

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 472/2023/DS-PT

Ngày: 29-8-2023

V/v tranh chấp: “Đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Nhân

Ông Nguyễn Thanh Triều

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thắm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 648/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1959 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số A đường C, Khu phố B, Phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: B, N, Phường N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1961;

Địa chỉ: số A đường C, khu phố B, Phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Tạ Kim T1, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Số E đường C, Khu phố A, Phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Vào năm 2000 ông Nguyễn Văn T là em ruột của vợ ông, có cho vợ chồng ông canh tác hơn 3000 m² đất lúc này đang bỏ hoang. Ông đã khai phá làm vườn, ông đã trồng cây sầu riêng, bưởi, mít và một số cây trái khác. Đồng thời ông có trồng xen một số cây kiểng gồm: 50 cây mai tứ quý, 40 cây tùng, 30 cây mai chiếu thủy.

Đến cuối năm 2018 ông T lấy đất lại, lúc này các loại cây ăn trái đang cho thu hoạch, khi lấy lại ông và ông T có thỏa thuận cây ăn trái để lại cho ông T hưởng, riêng phần cây kiểng ông bứng đi hoặc bán, các công cụ làm vườn ông mua sắm để phục vụ cho việc sản xuất như: Máy bơm điện, máy xịt thuốc, máy tưới điện, hàng rào lưới B40, 30 trụ đá và 9 cây cầu qua mương vườn. Sau khi thỏa thuận năm 2020 ông bán được 30 cây mai tứ quý, 20 cây tùng, 01 cây khế. Do nước mặn ông không thể bứng các cây kiểng được. Đến khi hết mặn ông vào bứng kiểng đi thì ông T không cho bứng và cũng không cho ông lấy các dụng cụ mà ông đã bỏ tiền ra mua để làm vườn.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T trả cho ông giá trị các cây kiểng và dụng cụ làm vườn như sau:

- 50 cây mai vàng x 2.000.000 đồng/cây = 100.000.000 đồng.
- 15 cây vạn niên tùng x 4.000.000 đồng/cây = 60.000.000 đồng.
- 02 cây me kiểng x 4.000.000 đồng/cây = 8.000.000 đồng.
- 30 cây mai tứ quý x 1.700.000 đồng/cây = 51.000.000 đồng.
- 01 cây khế x 2.000.000 đồng/cây = 2.000.000 đồng.
- 20 cây mai chiếu thủy x 1.000.000 đồng/cây = 20.000.000 đồng.

Ngoài ra ông T còn bán của ông 07 cây mai vàng to đẹp nhất giá 105.000.000 đồng.

- 01 máy bơm nước trị giá: 1.500.000 đồng.
- 01 máy tưới cây trị giá: 2.000.000 đồng.
- 01 máy xịt thuốc trị giá: 3.000.000 đồng.
- 02 thùng phi mũ trị giá: 500.000 đồng.
- 01 cây cầu bắt qua kinh rộng 1,2m dài 8m trị giá: 15.000.000 đồng.
- 09 cây cầu bắt qua các mương trong vườn trị giá: 5.000.000 đồng.
- 50m lưới B40 trị giá: 10.000.000 đồng.

- 01 căn nhà cấp 4 cột betong vách xây máy tole trị giá: 30.000.000 đồng.

Tổng cộng ông yêu cầu ông T trả giá trị cho ông là 413.000.000 đồng. Trả làm 01 lần ngày khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông không đồng ý yêu cầu của ông N. Năm 2000 ông thấy hoàn cảnh của chị ông là bà Nguyễn Thị Kim S khó khăn, lúc đó ông N bỏ nhà đi nên ông cho chị ông mượn thửa đất trên để canh tác nuôi con. Năm 2019 ông nghỉ hưu về quê nên chị ông trả thửa đất trên lại cho ông. Lúc canh tác chị ông có mua cây kiểng, cây ăn trái và các vật dụng làm vườn, đây là tài sản của chị ông đầu tư chứ không phải của ông N. Lúc trả đất chị ông đồng ý tặng cho ông toàn bộ các cây kiểng, cây ăn trái trên đất và các dụng cụ làm vườn vì các cây trồng và các vật dụng không có giá trị lớn, hơn nữa trong thời gian chị ông mượn đất ông không có hưởng lợi nên chị ông tặng cho ông những gì mà chị ông đã đầu tư còn lại trên thửa đất của ông. Ông N khởi kiện yêu cầu trả lại giá trị là 413.000.000 đồng là không đúng vì tài sản này là tài sản riêng của chị ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim S trình bày:

Vào năm 1988 ông nội bà tên Nguyễn Văn M có tặng cho em của bà là ông Nguyễn Văn T thửa đất diện tích hơn 3000 m²; năm 2000 ông T thấy hoàn cảnh bà khó khăn, chồng bà bỏ nhà đi sống với người phụ nữ khác nên cho bà mượn thửa đất trên để canh tác nuôi con. Năm 2019 do ông T nghỉ hưu về quê sinh sống nên bà trả thửa đất trên lại cho ông T. Trong thời canh tác bà có mua cây kiểng, cây ăn trái về trồng trên thửa đất và các vật dụng làm vườn để bà canh tác. Bà khẳng định ông N không có công sức đóng góp gì vào thửa đất này, vì năm 2000 đến nay ông N bỏ nhà đi và bà với ông N đã ly thân nhau. Trước đây trong thời gian bà thuê người làm cỏ, bón phân, xịt thuốc bà có mượn ông T và cũng có lúc bận bà có thuê ông N vừa làm vừa coi công giùm bà, bà vẫn trả tiền công cho ông N đầy đủ.

Năm 2019 ông T nghỉ hưu về quê sinh sống nên bà trả thửa đất trên lại cho ông T. Lúc trả đất bà đồng ý tặng cho ông T toàn bộ các cây kiểng, cây ăn trái trên đất cùng các dụng cụ làm vườn. Nay ông N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả lại cho ông số tiền 413.000.000 đồng trị giá các vật dụng làm vườn và các cây kiểng trên phần đất của ông T là hoàn toàn không đúng vì tài sản trên là tài sản riêng của bà tặng cho ông T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116, Điều 166; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 271; 272; 273; 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N.

Ông Nguyễn Văn N được quyền di dời toàn bộ các vật dụng và cây kiểng trên đất của ông Nguyễn Văn T theo biên bản định giá và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/12/2021 để trả lại ông Nguyễn Văn T diện tích đất 2890 m² đất thửa số 651, tờ bản đồ số 1; địa chỉ ấp H, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; đất được Ủy ban nhân dân huyện C (Nay là Ủy ban nhân dân thị xã C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/5/1997 cho hộ ông Nguyễn Văn T đại diện đứng tên quyền sử dụng gồm các vật dụng, tài sản, cây trồng như sau:

- 01 Căn nhà kích thước 3,7 x 3,8 = 14.06 m² nền gạch men, cột bê tông cốt thép, chưa tô, lợp tolle; tỉ lệ 50%.

- 01 cây cầu bê tông cốt thép: tỉ lệ 50%, 01m x 5,7m = 5,7m.

- 01 hàng rào lưới B40 50m x 2,20 = 110m.

+ Cây trồng trên đất:

- M1 vàng 50 cây gốc dưới 25 cm đến 30 cm.

- Tùng 15 cây trên 30 cm.

- Me 02 cây.

- M1 tứ quý 30 cây.

- 01 cây khế.

- 20 cây mai chiếu thủy; 02 thùng phi; 09 cây cầu qua mương; 01 cây cầu qua kênh; 01 máy bơm nước; 01 máy tưới cây; 01 máy xịch. Ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; Không ai được quyền cản trở việc di dời toàn bộ vật dụng và cây trồng như trên.

+ Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông N đối với 07 cây mai vàng ông N yêu cầu ông T trả giá trị số tiền là 105.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06/3/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim S có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/12/2022 đã được chứng thực thực đúng qui định pháp luật, thể hiện ông Nguyễn Văn T đã chuyển nhượng thửa đất số 203, tờ bản đồ số 9 cho anh Nguyễn Thanh S1 và đã giao đất cho anh S1 quản lý sử dụng. Trên thửa 203 có các tài sản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận cho ông N được quyền di dời nhưng anh S1 đã phá bỏ một số công trình ảnh hưởng đến quyền lợi của ông N, bà S. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa anh S1 vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim S thực hiện đúng Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng quy định Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Đòi tài sản” là đúng yêu cầu khởi kiện của đương sự, đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim S, xét thấy,

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim S trình bày toàn bộ cây trái và cây kiềng trên thửa đất số 651 là do bà S và ông Nguyễn Văn N trồng. Đến năm 2008 ông N bỏ đi chung sống với người phụ nữ khác, một mình bà S là người chăm sóc cây trái trên đất. Hiện nay ông Nguyễn Văn T đã chuyển nhượng thửa đất số 651 cho anh Nguyễn Thanh S1 và bà S có cung cấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/12/2022 giữa ông Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Thanh S1. Sau khi nhận chuyển nhượng đất thì anh Nguyễn Thanh S1 đã quản lý, sử dụng thửa đất và chặt một số cây trái trên đất, phá bỏ hàng rào và công trình trên đất, khóa cổng không cho ông N, bà S vào phần đất trên.

Xét thấy, căn cứ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 22/12/2022 thì ông Nguyễn Văn T đã chuyển nhượng thửa đất số 651 cho anh Nguyễn Thanh S1, hợp đồng đã được chứng thực theo quy định pháp luật, anh S1 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông T đã giao đất cho anh S1 quản lý.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N. Ông N được quyền di dời toàn bộ các vật dụng và cây kiềng trên đất gồm căn nhà, 01 cây cầu, hàng rào lưới B40, cây trồng trên đất như: M1 vàng,

cây T2, mai T. Tuy nhiên, hiện nay thửa đất số 651 đang do anh Nguyễn Thanh S1 quản lý thửa đất và đã chặt phá một số cây trái, phá bỏ hàng rào, công trình trên đất, làm ảnh hưởng đến các tài sản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận cho ông Nguyễn Văn N được di dời.

Xét đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, có nội dung ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa anh Nguyễn Thanh S1 vào tham gia tố tụng và chưa thu thập, xác minh làm rõ để giải quyết vụ án chính xác. Tòa án cấp phúc thẩm không thể làm rõ các vấn đề trên. Do đó, cần phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim S không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim S.

1. Hủy bản án sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân thị xã C giải quyết lại theo quy định pháp luật.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp Thúy